

# CON ĐƯỜNG TIẾP BIẾN VĂN HOÁ NHÂN LOẠI CỦA HỒ CHÍ MINH

## GIÁ TRỊ VÀ BÀI HỌC

GS SONG THÀNH\*

Bàn về tư tưởng và văn hoá Hồ Chí Minh, nếu coi đó là một “nền tảng tinh khiết, không pha trộn” – với ý nghĩa là thuần chất Mác-Lênin - chưa hẳn đã là một lời khen, bởi nó vừa không đúng về khoa học, vừa sai với thực tế. Trong tự nhiên cũng như trong xã hội, không có hiện tượng nào thuần túy tinh khiết, không pha trộn. Văn hoá càng như thế. Chính Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định điều này: “Văn hoá Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hoá Đông phương và Tây phương chung đúc lại”. Và Người đã nhắc nhở các nhà văn hoá Việt Nam: “Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt, ta học lấy để tạo ra một nền văn hoá Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hoá xưa và nay, trau dồi cho văn hoá Việt Nam có *tinh thần thuần túy Việt Nam*, để hợp với *tinh thần dân chủ*”<sup>1</sup>. Mặt khác, Người cũng căn dặn: “Mình đã hưởng cái hay của người thì cũng phải có cái hay cho người ta hưởng. *Mình đừng chịu vay mà không trả*”<sup>2</sup>, nghĩa là phải biết học tập một cách sáng tạo, để có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hoá của nhân loại. Đó là nguyên tắc phương pháp luận nhất quán của Hồ Chí Minh trên con đường tiếp biến các giá trị văn hoá của loài người.

Hồ Chí Minh được thừa nhận là biểu tượng sáng ngời của sự tích hợp văn hoá Đông -

Tây, trước hết đó là kết quả của một đời không ngừng học tập và thấu thái, mặt khác cũng là do Người đã luôn biết xuất phát từ bản lĩnh, bản sắc của văn hoá dân tộc để tiếp thu và biến hoá những giá trị của loài người, làm phong phú vốn văn hoá của mình mà vẫn giữ được *tinh thần thuần túy Việt Nam*.

### 1. Truyền thống khoan dung, cởi mở của văn hoá Việt Nam

Việt Nam nằm ở ngã tư giao lưu văn hoá từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam. Văn hoá Việt Nam có chung cơ tầng văn hoá bản địa với các nước Đông Nam Á, nhưng đã sớm chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hoá của Trung Quốc và Ấn Độ. Bản thân hai nền văn hoá lớn này cũng có chung đặc điểm của văn hoá phương Đông là tính hỗn dung, cộng sinh cao, nên cũng không trái với truyền thống khoan dung, đối thoại cởi mở của văn hoá Việt Nam.

Nho giáo với tư tưởng “trung hoà”, chủ trương kết hợp hài hoà các mặt đối lập: “thiên nhân hợp nhất”, “tri hành hợp nhất”, coi “thiên thời, địa lợi bất như nhân hoà”; điều đó đã góp phần làm cho nội bộ dân tộc đoàn kết, quốc gia hoà hợp, xã hội ổn định, mong đạt tới “mưa thuận gió hoà”. Bản thân Nho giáo, trong quá trình phát triển cũng tiếp thu những yếu tố nhất định của Phật học, Đạo học, Lý học, ... để tạo ra sức sống mới trong mỗi thời kỳ phát triển.

\* Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh

Văn hoá Phật giáo cũng mang tính dung hoà rất mềm dẻo, chủ trương hoà hợp, hoà giải, kêu gọi tình thương yêu, tha thứ, chấp nhận lẫn nhau. Phật giáo vào Việt Nam từ đầu Công nguyên, góp phần đặt nền tảng nhân văn, hướng thiện cho văn hoá Việt Nam, cho lễ nghi, phong tục Việt Nam, góp phần xây dựng và củng cố nền chính trị và ngoại giao của nhà nước phong kiến Việt Nam trong những thế kỷ đầu vừa giành lại độc lập. Đến khi Nho giáo thịnh, Phật giáo mất đi địa vị quốc giáo, nhưng Nho - Phật vẫn cùng nhau chung sống, theo tinh thần “Nhật, Nguyệt tịnh minh, các hữu sở chiếu”, nghĩa là mặt trời, mặt trăng đều chiếu sáng, mỗi cái có cách chiếu riêng, “ngày vùng ô chiếu sáng, đêm bóng tỏ rạng soi”, “Thích lo việc đạo, Nho lo việc đời”, cả hai đều cần thiết cho cuộc sống con người.

Lão giáo (Đạo học) lại thể hiện tinh thần bao dung theo một hướng khác, chủ trương sống hoà hợp với tự nhiên, tôn trọng quy luật của đất trời, từ đó nêu lên thuyết “vô vi, bất tranh”, “được ít không chê, được nhiều không mừng, cái vui đến thì tận hưởng, cái vui đi không than tiếc, vui vẻ với bốn mùa, hoà hợp cùng ngoại vật,...”. Lão Tử kêu gọi: “*Khoáng hề kỳ nhược cốc*” (Hãy trống không như hang núi), nghĩa là “hãy không là gì cả” thì đời sẽ trở nên cực kỳ đơn giản và tốt đẹp.

Kitô giáo lại được truyền sang phương Đông vào thời đại chủ nghĩa thực dân đi xâm chiếm thuộc địa, mở rộng thị trường, nên lúc đầu không mấy được hoan nghênh. Trong khi cố gắng phục âm hoá của các linh mục thừa sai tại các nước viễn đông như Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc,... ít đạt kết quả, thì đạo Kitô lại sớm tạo được chỗ đứng ở Việt Nam. Ngoài “lòng nhân ái

cao cả” như Hồ Chí Minh nhận xét, thì tôn giáo này dễ được tiếp nhận ở nước ta hơn nhiều nơi khác, có thể nói cũng là nhờ tinh thần hoà đồng tôn giáo của văn hoá Việt Nam.

Những giá trị khoan dung này đã góp phần tạo cho con người Việt Nam một nếp tư duy mềm mại, uyển chuyển, không cực đoan. Trong văn hoá đối thoại, người Việt Nam thường không có ý giành độc quyền chân lý! Bời mỗi sự vật, hiện tượng vốn chứa đựng nhiều khía cạnh, nhiều tầng ý nghĩa; mỗi người, từ góc nhìn của mình, chỉ có thể tiếp cận được một phần chân lý, chứ chưa thể nắm ngay được toàn bộ chân lý tuyệt đối. Vì vậy, cần thiết có sự lắng nghe nhau, tôn trọng nhau, hợp tác với nhau trong tìm tòi chân lý.

Hồ Chí Minh chính là biểu tượng nổi bật của tinh thần khoan dung văn hoá Việt Nam.

### **2. Con đường tích hợp các giá trị văn hoá nhân loại của Hồ Chí Minh**

Khi còn ở trong nước, Nguyễn Tất Thành đã được hấp thụ một nền Quốc học và Hán học khá cơ bản, đủ sức tạo một bản lĩnh văn hoá vững vàng để không bị choáng ngợp trước nền văn minh phương Tây.

Ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành có điều kiện đi nhiều, hiểu rộng, biết nhiều ngoại ngữ, đến được nhiều nước, làm nhiều nghề, tiếp xúc với nhiều vĩ nhân,...do đó, có cơ hội *tiếp xúc với nhiều nền văn hoá*, gia nhập nhiều tổ chức, vào nhiều hội, đoàn (Công đoàn lao động hải ngoại ở Anh, Hội du lịch, Hội nghệ thuật và khoa học, Câu lạc bộ Faubourg, vào Đảng Xã hội rồi Đảng Cộng sản Pháp,...) để học cách tổ chức, tìm hiểu các cơ chế chính trị – xã hội,... nhằm chất lọc lấy cái hay, cái tốt, cái thích hợp,

phục vụ cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng nước Việt Nam độc lập trong tương lai.

Trên hành trình đến với văn hoá nhân loại, Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng của văn hoá Pháp trước tiên, và có lẽ nó cũng để lại những dấu ấn sâu đậm trong tư tưởng và phong cách văn hoá của Người. Tại Pháp, Người đã tiếp thu lý tưởng *nhân quyền, dân quyền và pháp quyền* của các nhà Khai sáng Pháp và vận dụng nó vào cuộc đấu tranh, phê phán chế độ thực dân, đòi các quyền ấy cho các dân tộc thuộc địa. Có thể tìm thấy dấu ấn ảnh hưởng các giá trị của nền Cộng hoà Pháp trong bản *Yêu sách 8 điểm, lời mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945*, trong *Hiến pháp năm 1946*,...

Đúng là Hồ Chí Minh đã sớm bị hấp dẫn bởi lý tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái của Đại cách mạng Pháp và muốn đi sang Pháp để tìm hiểu xem những gì ẩn đằng sau 3 từ ấy. Và Người đã nhận ra rằng nền Cộng hoà Pháp chủ yếu được xây dựng trên quan điểm giá trị về *con người cá nhân*, nhất là về *quyền tự do, bình đẳng của cá nhân* theo tinh thần Cách mạng tư sản Pháp; còn Hồ Chí Minh xuất phát từ vị trí người dân thuộc địa phương Đông, *vốn đề cao tinh thần cộng đồng*, luôn đặt quốc gia, dân tộc lên trên cá nhân. Với Hồ Chí Minh, *Tự do* trước hết vẫn là *tự do của toàn dân tộc* chứ chưa phải là tự do cá nhân; *Bình đẳng* cũng được Người nâng lên thành *quyền bình đẳng giữa các dân tộc*; còn *Bác ái* (fraternité) – một khái niệm quá rộng, như lòng bác ái của Chúa đòi hỏi phải “*yêu cả kẻ thù của mình*”, là điều khó chấp nhận đối với các dân tộc bị áp bức! Hồ Chí Minh hiểu khái niệm này theo đúng nghĩa của nó là *tình hữu ái*, như tinh thần “tứ

hải giai huynh đệ”, nên Người thường quen gọi những người lao động, các dân tộc bị áp bức là *anh em* (hồi *anh em* ở các thuộc địa!, các dân tộc *anh em*, các nước *anh em*,...).

Tóm lại, Hồ Chí Minh nhận thức tự do, bình đẳng, bác ái qua lăng kính của người dân bị áp bức châu Á chứ không theo tinh thần Cách mạng tư sản Pháp, nên chỉ coi đó là những yếu tố *cần chứ chưa đủ*. Cái giá trị lớn nhất mà Hồ Chí Minh theo đuổi suốt đời là: “*Độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi, đó là tất cả những gì tôi muốn, đó là tất cả những gì tôi hiểu*”. Điều quan trọng ấy lại không có trong bảng giá trị của nền Cộng hoà Pháp, vì vậy, trong thư kêu gọi những người Pháp hãy cộng tác bình đẳng, thân thiện với Việt Nam để gây dựng hạnh phúc chung cho cả hai dân tộc, Người đã chủ động bỏ sung vào khẩu hiệu ấy một từ nữa: “Người Việt và người Pháp cùng tin tưởng vào đạo đức: *Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Độc lập*”<sup>3</sup>. Thêm độc lập để ràng buộc họ: Nước Pháp muốn độc lập, không có lý gì lại muốn nước Việt Nam không độc lập?

Như vậy, con đường Hồ Chí Minh tiếp biến các giá trị văn hoá nhân loại là lựa chọn, tích hợp những nhân tố tiến bộ, hợp lý, cải biến nó cho phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc và nhu cầu đất nước để tạo ra cách làm riêng, không vay mượn nguyên xi một mô hình ngoại lai nào; tức là tiếp thu trên cơ sở phê phán, tiếp nhận gắn liền với đổi mới, theo các tiêu chí: dân tộc, dân chủ và nhân văn.

*Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin*, được hấp thụ một thể giới quan, nhân sinh quan triệt để cách mạng và khoa học, một vũ khí sắc bén để cải tạo xã hội và con người.

Nhưng từ giác độ văn hoá phương Đông, Hồ Chí Minh nhận thấy chủ nghĩa Mác-Lênin chủ yếu vẫn được hình thành trên nền tảng triết lý phương Tây, mang dấu ấn đấu tranh giai cấp ở phương Tây. Để được hoàn thiện, Người kiến nghị cần bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng dân tộc học phương Đông, bởi *phương Tây chưa phải là toàn thế giới!*

Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác đương nhiên Người đã tiếp thu học thuyết đấu tranh giai cấp của Mác, nhưng *tiếp thu và vận dụng* nó vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước là hai việc khác nhau. Xuất phát từ đặc điểm của văn hoá phương Đông và Việt Nam, nhất là trong hoàn cảnh đang đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh vẫn chú trọng hơn đến đoàn kết, thống nhất, đồng thuận dân tộc. Hồ Chí Minh đã không tuyệt đối hoá đấu tranh giai cấp như một số người, chỉ thấy đấu tranh giai cấp mà không thấy sách lược liên minh, hợp tác giai cấp ở mỗi giai đoạn cụ thể (tất nhiên là vừa hợp tác, vừa đấu tranh); không thấy vấn đề đoàn kết giai cấp trong đại đoàn kết dân tộc; không thấy vấn đề liên minh giai cấp trong mặt trận dân chủ chống phát xít,...

Vì vậy, trong đấu tranh giải phóng dân tộc, với nhận thức rằng “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”, “người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu như không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất trong đời sống xã hội của họ”<sup>4</sup>, Hồ Chí Minh rất coi trọng sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ dân tộc, đã ra sức củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Trong kháng chiến chống Pháp, có lần Người đã phê phán những biểu hiện tả khuynh của một số người: “nghe người ta nói

giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”<sup>5</sup>, “trong lúc cần toàn dân đoàn kết mà chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều ngu ngốc”<sup>6</sup>.

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, coi Luận cương đã đem lại một thứ ánh sáng như là *thiên khai* (lux-fiat), giúp Người bừng sáng về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc của Việt Nam. Nghĩa là Hồ Chí Minh đến với Lênin trước hết vẫn từ chủ nghĩa yêu nước, ca ngợi Lênin là người yêu nước vĩ đại nhất, vì sau khi đã giải phóng nước Nga, ông còn muốn giải phóng tất cả các dân tộc thuộc địa! Có thể nói, Hồ Chí Minh là người rất mực tôn sùng Lênin, không phải ở lý luận về chuyên chính vô sản mà trước hết là ở đạo đức của Người (coi khinh sự xa hoa, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị,...), nghĩa là vẫn từ góc nhìn của văn hoá phương Đông, văn hoá Việt Nam. Còn lý luận về nhà nước thì Hồ Chí Minh lại chủ trương xây dựng *nhà nước dân chủ cộng hoà, nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc.

Nêu qua một vài dẫn chứng như trên để thấy rõ: Hồ Chí Minh là người cộng sản có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người cũng không tiếp thu một cách giáo điều, mà lựa chọn những “cái cần thiết”, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc và nhu cầu thực tiễn của đất nước. Đó là sự tiếp thu có cải biến, đổi mới, theo các tiêu chí đã được nêu ở trên.

Từ lý luận cách mạng vô sản của phương Tây vận dụng vào cách mạng giải phóng dân

tộc ở một nước thuộc địa phương Đông, nếu rập khuôn, giáo điều thì chỉ có thất bại. Muốn thắng lợi, đòi hỏi phải biết điều chỉnh một cách sáng tạo, biết tìm ra cách làm khác. Chính trên ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu và vận dụng sáng tạo mà còn là góp phần cải biến, phát triển, làm phong phú chủ nghĩa Mác-Lênin trên một loạt luận điểm quan trọng.

Chỉ mới hơn một năm sống ở Máxcova, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra một luận điểm mà nhiều nhà cách mạng thế giới phải suy nghĩ: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”<sup>7</sup>.

Nguyễn Ái Quốc đã xuất phát từ truyền thống văn hoá Việt Nam để tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác. Ông là người cộng sản đầu tiên nhận ra và đánh giá cao tiềm lực của cách mạng phương Đông. Trong một bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản* tháng 5-1921 của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã nêu vấn đề: “Chế độ cộng sản có áp dụng ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không?”<sup>8</sup>.

Câu trả lời của Nguyễn là trái ngược với quan điểm của phong trào cộng sản quốc tế đầu những năm 20 thế kỷ XX. Lúc bấy giờ, thuyết Européo - centrisme cũng đang thống trị châu Âu, vẫn coi châu Âu là trung tâm của thế giới, xem thường phương Đông lạc hậu, nhất là các dân tộc nhược tiểu. Các đảng xã hội Quốc tế II chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề dân tộc thuộc địa. Các đảng cộng sản theo Quốc tế III thì cho rằng: vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa chỉ có thể được giải quyết khi nào cách mạng vô sản giành được thắng lợi ở

chính quốc. Cả Mác - Ăngghen, rồi Lênin cũng chưa nghĩ đến khả năng các dân tộc thuộc địa có thể tự giải phóng mình ngay giữa vòng vây của chủ nghĩa đế quốc.

J.Stalin, trong báo cáo đọc tại Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 23-4-1923, đã đưa ra luận điểm: các dân tộc tiến bộ có nhiệm vụ, trong khi tự giải phóng, phải giải phóng nhân dân các nước lạc hậu – nghĩa là chỉ nhấn mạnh vai trò quyết định của cách mạng vô sản châu Âu và đặt sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa ở địa vị phụ thuộc. Stalin coi nhân dân các nước lạc hậu này là “nguồn dự trữ lớn cho cuộc cách mạng của chúng ta” (hiểu theo nghĩa là “phên dậu”, là vòng ngoài bảo vệ cho đất nước Xôviết).

Từ sự phân tích những điều kiện kinh tế-chính trị - xã hội... của châu Á, Nguyễn Ái Quốc đưa ra nhận định: “chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”<sup>9</sup>. Nghĩa là theo Nguyễn Ái Quốc, cách mạng thuộc địa đi theo con đường vô sản có thể nổ ra ở châu Á, nếu “những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột...”<sup>10</sup> thì họ sẽ trở thành một lực lượng khổng lồ, “và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”<sup>11</sup>.

Đó quả thật là một luận điểm táo bạo, mới mẻ, lạ lùng nữa, trước đó chưa có ai nhìn ra và chưa ai dám khẳng định mạnh mẽ như thế về

khả năng thắng lợi trước của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

Tóm lại, đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã từ người yêu nước trở thành người cộng sản, ngược lại, Người cũng đã góp phần bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng dân tộc học phương Đông, làm cho chủ nghĩa Mác từ học thuyết đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản trở thành đồng thời là học thuyết đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX. Điều đó chính là kết quả của việc Hồ Chí Minh đã tiếp biến chủ nghĩa Mác- Lênin từ truyền thống văn hoá Việt Nam, văn hoá phương Đông và từ kinh nghiệm thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

### 3. Giá trị và bài học từ tấm gương Hồ Chí Minh

Tiếp biến văn hoá là một quy luật tất yếu trong quá trình giao thoa văn hoá giữa các vùng miền, giữa các dân tộc; nó thể hiện phép biện chứng của tính dân tộc và tính nhân loại trong quá trình phát triển. Hồ Chí Minh được mệnh danh là nhà văn hoá kiệt xuất vì Người là một trong số ít chính khách sớm nhận thức được *vai trò động lực của văn hoá*, đã sớm đưa văn hoá vào chiến lược phát triển của đất nước ngay từ những ngày đầu vừa giành được độc lập. Sau 80 năm bị kìm hãm dưới chế độ cai trị của thực dân, đời sống vật chất và văn hoá của dân ta lạc hậu, thấp kém, thiếu thốn nhiều bề. Chúng ta sẽ cùng cố nền độc lập của nước Cộng hoà non trẻ bằng con đường nào? Ngay từ năm 1945, Hồ Chí Minh đã lựa chọn khởi đầu bằng một chiến lược văn hoá: phát động chiến dịch chống giặc đói, gây dựng phong trào đời sống mới, xây dựng thuần

phong, mỹ tục mới, xác định văn hoá là một mặt trận, kêu gọi các nhà văn hoá phải ra sức nghiên cứu, học tập tinh hoa văn hoá thế giới, xưa và nay, ... để làm cho nền văn hoá của ta vươn lên theo tầm cao của văn hoá nhân loại. Văn hoá Việt Nam phải từ dân tộc đến với nhân loại.

Được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng, văn hoá Việt Nam đã không ngừng phát triển, từng bước đi sâu vào quần chúng nhân dân, tác động như một sức mạnh vật chất: thúc đẩy kinh tế, biến đổi phong hoá, cải tạo con người.

Trong thế giới toàn cầu hoá hiện nay, để có thể đi tắt đón đầu, nhanh chóng đuổi kịp các nước tiên tiến, không có con đường nào khác là phải dồn mọi tâm lực học hỏi, nghiên cứu để chiếm lĩnh cho được những thành tựu văn hoá - khoa học - công nghệ của loài người, biến nó thành tài sản trí tuệ của dân tộc, thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nêu rõ: “Thế giới ngày nay đang tiến những bước không lồ về mặt kiến thức của con người. Khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội không ngừng mở rộng ra những chân trời mới”<sup>12</sup>. Người nhắc nhở thế hệ thanh niên, sinh viên phải ra sức “Vượt mọi khó khăn để mà chiến thắng, để hưởng thụ tất cả những khoa học, những hiểu biết của thời đại thế kỷ thứ XX”<sup>13</sup>, ... “*Phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hóa và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật*”<sup>14</sup>.

(Xem tiếp trang 120)